

Bản án số: 62/2019/DS-ST
Ngày 15/11/2019
V/v: “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG GIANG, TỈNH BẮC GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Sang
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Thanh Xuân, ông Nguyễn Quang Vinh
Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Đỗ Ngọc Tĩnh - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang.
Đại diện Viện kiểm sát huyện Lạng Giang: Ông Lê Đình Luyện - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15/11/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 134/2019/DS-ST ngày 12 tháng 8 năm 2019 về việc tranh chấp Hợp đồng mua bán tài sản; theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 171/2019/QĐST-DS ngày 17/10/2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 137/2019/QĐST-DS ngày 29/10/2019, giữa:

- 1. Nguyên đơn:** Bà Lý Thị Vân L, sinh năm 1964 (có mặt)
Địa chỉ: thôn Đ, xã H, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang
- 2. Bị đơn:** Chị Trần Thị Bích T, sinh năm 1983 (vắng mặt)
Địa chỉ: thôn V, xã N, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang
- 3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1979 (vắng mặt)
Địa chỉ: thôn V, xã N, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai tiếp theo nguyên đơn bà Lý Thị Vân L trình bày:

Bà có mở một xưởng sản xuất gỗ bóc tại thôn Làng Cả, xã Đồng Tiến, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn. Qua quan hệ bạn hàng nên có quen biết chị Trần Thị Bích T. Vào ngày 13/9/2018 chị T có mua của bà 1000 bó ván cao su trị giá 96.250.000 đồng. Sau khi mua chị T có trả cho bà số tiền 72.430.000 đồng và còn nợ lại số tiền 23.820.000 đồng. Đến ngày 25/9/2018 chị T lại tiếp tục mua 1000 bó ván cao su trị giá 90.380.000 đồng, nhưng chưa thanh toán trả tiền cho bà. Tổng số tiền chị T còn nợ trong hai lần mua ván gỗ cao su là 114.700.000 đồng.

Ngày 03/01/2019, chị T có thanh toán trả cho bà số tiền 30.000.000 đồng và

còn nợ lại số tiền 84.700.000 đồng. Việc mua bán gỗ và thanh toán trả tiền thì bà đều ghi chép trong sổ theo dõi. Đến ngày 03/4/2019 chị T có ghi nhận nợ số tiền 84.700.000 đồng và hẹn một tuần sau kể từ ngày 03/4/2019 thanh toán trả cho bà tiếp số tiền 20.000.000 đồng rồi ký tên “Trần Thị Bích T” ở phía dưới. Tuy nhiên, chị T đã không thực hiện đúng cam kết trả tiền mặc dù bà đã đến nhà, gọi điện yêu cầu chị T trả tiền nhiều lần. Những lần mua bán gỗ, thanh toán trả tiền thì đều do chị T trực tiếp đứng ra giao dịch với bà. Chồng chị T là anh Nguyễn Văn T không tham gia. Nhưng chị T mua ván gỗ của bà là để làm ăn kinh tế chung của vợ chồng. Hiện nay chị T và anh T vẫn chung sống cùng nhau bình thường. Xưởng gỗ nhà chị T là của chung vợ chồng chứ không riêng gì chị T. Vì vậy, bà yêu cầu vợ chồng chị T, anh T phải có trách nhiệm thanh toán trả cho bà số tiền còn nợ là 84.700.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo quy định của pháp luật kể từ ngày 03/4/2019 cho đến ngày xét xử sơ thẩm.

Tại bản tự khai và các lời khai tiếp theo bị đơn là chị Trần Thị Bích T trình bày: Thông qua quan hệ quen biết thì chị có mua của bà L ván bóc từ gỗ cao su và còn nợ bà L số tiền là 84.700.000 đồng. Cụ thể việc mua bán, thanh toán trả tiền như bà L trình bày là đúng. Nay bà L khởi kiện yêu cầu chị thanh toán trả số tiền mua ván gỗ cao su còn nợ là 84.700.000 đồng và lãi xuất phát sinh thì chị đồng ý. Tuy nhiên do việc kinh doanh gặp khó khăn nên chị đề nghị bà L cho chị trả dần số tiền còn nợ là 2.000.000đ/ tháng và không phải trả tiền lãi. Chị xác định việc mua bán gỗ, thanh toán trả tiền là việc riêng của chị, không liên quan gì đến chồng chị là anh Nguyễn Văn T.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn T trình bày: Việc vợ anh là chị Trần Thị Bích T mua bán gỗ cao su và nợ tiền với bà L như thế nào thì anh không được biết. Vợ anh nợ tiền bà L thì vợ anh có trách nhiệm trả bà L. Hiện nay vợ chồng anh vẫn chung sống với nhau bình thường. Nhưng anh xác định không liên quan gì đến việc mua bán gỗ cao su với bà L nên không có trách nhiệm gì. Anh đề nghị Tòa án cho anh được vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành thủ tục hòa giải nhưng do chị T, anh T vắng mặt mà không có lý do nên các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn là bà Lý Thị Vân L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Đối với lãi xuất chậm thi hành án thì bà yêu cầu tính mức lãi xuất là 10%/ năm kể từ khi có đơn thi hành án.

Bị đơn là chị Trần Thị Bích T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Văn T vắng mặt lần thứ hai mà không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu việc tuân theo pháp luật và trình bày quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang tham gia phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án đến

trước khi Hội đồng xét xử nghị án thực hiện nghiêm túc, đúng theo quy định của pháp luật. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện nghiêm túc, đúng theo quy định của pháp luật.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lý Thị Vân L: Buộc vợ chồng chị Trần Thị Bích T, anh Nguyễn Văn T phải trả cho bà Lý Thị Vân L số tiền gốc là 84.700.000 đồng và số tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất 10%/ năm tính từ ngày 03/4/2019 cho đến ngày xét xử sơ thẩm.

Về án phí: Chị Trần Thị Bích T, anh Nguyễn Văn T phải chịu toàn bộ tiền án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa sau khi tiến hành nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa nguyên đơn là bà Lý Thị Vân L có mặt, bị đơn là chị Trần Thị Bích T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Văn T vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Vì vậy HĐXX tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị T, anh T theo quy định tại khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Quan hệ mua bán tài sản giữa bà Lý Thị Vân L và chị Trần Thị Bích T là quan hệ dân sự giữa cá nhân với cá nhân, các bên đã không tự giải quyết được tranh chấp phát sinh, nguyên đơn đã làm đơn khởi kiện theo thủ tục tại Tòa án. Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang giải quyết là phù hợp với quy định của pháp luật và thẩm quyền được quy định tại các Điều 26; Điều 35; Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thời hiệu khởi kiện và quan hệ pháp luật tranh chấp thì thấy:

Ngày 03/4/2019 chị Trần Thị Bích T có viết giấy xác nhận nợ bà Lý Thị Vân L số tiền 84.700.000 đồng tiền mua ván gỗ bóc cao su. Chị T có hẹn một tuần sau ngày 03/4/2019 sẽ thanh toán trả cho bà L số tiền 20.000.000 đồng. Sau khi đến hạn thanh toán trả tiền bà L đã đòi nhiều lần nhưng chị T không thanh toán trả. Đến ngày 08/8/2019 bà L nộp đơn khởi kiện ra Tòa án, yêu cầu chị T phải thanh toán trả số tiền gốc và lãi suất phát sinh. Đây là "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản", theo quy định tại khoản 1 Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự, thì thời hiệu khởi kiện vẫn còn.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy:

Về số tiền gốc: Giữa bà L và chị T đều thừa nhận việc mua bán gỗ bóc cao su với nhau, cụ thể: ngày 13/9/2018 chị T có mua của bà L 1000 bó ván cao su trị giá 96.250.000 đồng; ngày 25/9/2018 chị T tiếp tục mua 1000 bó ván cao su trị giá 90.380.000 đồng. Sau khi mua chị T có trả cho bà L tổng số tiền là 102.430.000 đồng và còn nợ lại số tiền 84.700.000 đồng. Đến ngày 03/4/2019 chị T có ghi nhận nợ số tiền 84.700.000 đồng và hẹn một tuần sau kể từ ngày 03/4/2019 thanh toán trả cho bà L tiếp số tiền 20.000.000 đồng rồi ký tên "Trần Thị Bích T" ở phía dưới. Như vậy, giữa bà L và chị T đã thiết lập quan hệ hợp đồng mua bán tài sản theo quy định tại Điều 430 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về lãi suất: Khi thực hiện hợp đồng mua bán tài sản giữa bà L và chị T không thỏa thuận về thời hạn thanh toán trả tiền, không thỏa thuận về lãi suất chậm trả. Ngày 03/4/2019, chị T có viết giấy hẹn một tuần sau trả cho bà L số tiền 20.000.000 đồng. Đến hạn, chị T không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền cho bà L. Vì vậy chị T phải trả lãi trên số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự.

Tại đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo, bà L yêu cầu vợ chồng chị T, anh T thanh toán trả số tiền gốc là 84.700.000đ và số tiền lãi phát sinh theo quy định của pháp luật kể từ ngày 03/4/2019 cho đến ngày xét xử sơ thẩm. Vì vậy yêu cầu của nguyên đơn về việc đòi số tiền nợ gốc, lãi và lãi suất là phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 430; Điều 434; Điều 440; Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự, nên yêu cầu này cần được chấp nhận.

Về trách nhiệm thanh toán: Việc mua bán ván gỗ bóc cao su là do bà L và chị T trực tiếp thực hiện việc giao dịch, mua bán và thanh toán trả tiền với nhau. Anh Nguyễn Văn T là chồng chị T không được biết. Nhưng chị T mua bán ván gỗ với bà L là để làm ăn kinh tế chung của vợ chồng. Theo biên bản xác minh tại địa phương thấy: *“Vợ chồng chị T, anh T có mở xưởng ván gỗ bóc tại thôn V, N, Lạng Giang, Bắc Giang từ năm 2016 cho đến nay. Anh T là người trực tiếp đứng ra thuê đất của UBND xã N để làm xưởng. Việc chị T, anh T làm ăn tại xưởng gỗ là làm ăn kinh tế chung của gia đình chứ không phải của riêng chị T. Anh T, chị T hiện nay vẫn ăn chung, ở chung và làm ăn chung.”*

Vì vậy, việc mua bán gỗ bóc giữa chị T vào các ngày 13/9/2018; ngày 25/9/2018 và khoản tiền ghi nhận nợ của chị T ngày 03/4/2019 đối với bà L chính là nợ chung của vợ chồng nên cần buộc vợ chồng chị T, anh T cùng có trách nhiệm thanh toán trả cho bà L số tiền gốc là 84.700.000đ và số tiền lãi phát sinh tính từ ngày vay 03/4/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm 15/11/2019 (07 tháng 12 ngày) theo mức lãi suất 10%/ năm là $(84.700.000đ \times 10\%/12 \times 07 = 4.940.000đ) + (84.700.000đ \times 10\%/360 \times 12 = 282.000đ) = 5.222.000đ$, tổng cộng: 89.922.000đ.

Về lãi suất chậm thi hành án: Bà L yêu cầu chị T phải thanh toán trả tiền lãi suất chậm thi hành án theo mức lãi suất 10%/ năm là phù hợp với quy định tại Điều 357; Điều 468 Bộ luật Dân sự nên cần được chấp nhận.

Về án phí: Chị Trần Thị Bích T, anh Nguyễn Văn T phải chịu toàn bộ tiền án phí theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, nộp tiền án phí, lệ phí Tòa án.

Bà Lý Thị Vân L không phải chịu án phí, hoàn trả bà L số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 26; Điều 35 và Điều 39; Điều 147; Điều 184; Điều 227; Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 353, Điều 357, Điều 430, Điều 434, Điều 440, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, nộp tiền án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lý Thị Vân L.

Buộc vợ chồng chị Trần Thị Bích T, anh Nguyễn Văn T phải thanh toán trả cho bà Lý Thị Vân L số tiền gốc là 84.700.000 đồng; tiền lãi là 5.222.000đ, tổng cộng: 89.922.000 đồng (Tám mươi chín triệu chín trăm hai mươi hai nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí: Chị Trần Thị Bích T, anh Nguyễn Văn T phải chịu 4.496.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả bà Lý Thị Vân L số tiền 2.117.000 đồng (Hai triệu một trăm mười bảy nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2018/0007330 ngày 09 tháng 8 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lạng Giang.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2- Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a, 7b và 9 - Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lạng Giang;
- THADS huyện Lạng Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Sang